

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/2007/QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày 01 tháng 8 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng
lệ phí hộ khẩu, chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí, Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 88/2007/NQ-HĐND ngày 19/ 7 /2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn về quy định mức thu và tỷ lệ phần trăm (%) được trích để lại cho đơn vị tổ chức thu lệ phí hộ khẩu, chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 671TTr/STC-QLG&TS ngày 25 / 6 /2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ khẩu, chứng minh nhân dân áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn như sau:

1. Đối tượng nộp lệ phí hộ khẩu, chứng minh nhân dân

- Lệ phí hộ khẩu là khoản thu đối với người thực hiện đăng ký và quản lý hộ khẩu với cơ quan Công an theo quy định của pháp luật.

Không thu lệ phí hộ khẩu đối với các trường hợp: bố, mẹ, vợ (hoặc chồng) của liệt sĩ, con dưới 18 tuổi của liệt sĩ, thương binh, con dưới 18 tuổi của thương binh; công dân hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ Công an trở về khi đăng ký hộ khẩu trở lại; công dân các xã thuộc Khu vực III và các thôn, bản đặc biệt khó khăn của các xã Khu vực II.

- Lệ phí chứng minh nhân dân là khoản thu đối với người được cơ quan Công an cấp mới, đổi hoặc cấp lại chứng minh nhân dân.

Không thu lệ phí chứng minh nhân dân đối với các trường hợp: bố, mẹ, vợ (hoặc chồng) của liệt sĩ, con dưới 18 tuổi của liệt sĩ; thương binh, con dưới 18 tuổi của thương binh; công dân các xã thuộc Khu vực III và các thôn, bản đặc biệt khó khăn của các xã Khu vực II.

Trường hợp thực hiện cấp chứng minh nhân dân bằng công nghệ mới theo quy định tại Quyết định số 446/QĐ-TTg ngày 11/5/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt dự án sản xuất, cấp và quản lý chứng minh nhân dân thì thực hiện theo văn bản hướng dẫn riêng của Bộ Tài chính và Bộ Công an.

2. Đơn vị tổ chức thu lệ phí hộ khẩu, chứng minh nhân dân là Công an tỉnh, thành phố, phường, xã và thị trấn.

3. Mức thu: Theo biểu chi tiết đính kèm.

4. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ khẩu, chứng minh nhân dân

Lệ phí hộ khẩu, chứng minh nhân dân được quản lý, sử dụng như sau:

a) Cơ quan thu lệ phí hộ khẩu, chứng minh nhân dân có trách nhiệm đăng ký, kê khai, thu, nộp, quyết toán theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Pháp lệnh phí và lệ phí.

Khi thu lệ phí, cơ quan thu lệ phí phải lập và giao biên lai thu cho đối tượng nộp lệ phí theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về phát hành, quản lý, sử dụng ấn chỉ thuế.

b) Cơ quan Công an trực tiếp thu lệ phí hộ khẩu, chứng minh nhân dân được trích để lại theo tỷ lệ (%) trên tổng số tiền lệ phí thực thu được để chi phí cho việc thu lệ phí như sau:

- Công an tỉnh, thành phố, công an các phường được trích 50% trên tổng số tiền thu được, phần còn lại 50% nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Công an các xã, thị trấn được trích để lại 100% trên tổng số tiền thu được.

Điều 2. Giao Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Cục Thuế tỉnh và các ngành chức năng có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện thu lệ phí theo các quy định hiện hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Quyết định đều bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Công an tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Thời Giang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**MỨC THU LỆ PHÍ HỘ KHẨU, CHỨNG MINH NHÂN DÂN
ÁP DỤNG THÔNG NHẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LẠNG SƠN**
(Kèm theo Quyết định số 28 /2007/QĐ-UBND ngày 01 / 8 /2007
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Số TT	Nội dung thu lệ phí	ĐVT	Mức thu	
			CA phường, thành phố, tỉnh Lạng Sơn	Công an xã, thị trấn
I	Đăng ký và quản lý hộ khẩu			
1	Đăng ký chuyển đến cả hộ hoặc một người nhưng không cấp sổ hộ khẩu gia đình hoặc giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể	đồng/lần đăng ký	10.000	5.000
2	Cấp mới, cấp lại, đổi sổ hộ khẩu gia đình.	đồng/lần đăng ký	15.000	7.500
	- Riêng cấp đổi sổ hộ khẩu gia đình theo yêu cầu của chủ hộ vì lý do Nhà nước thay đổi địa giới hành chính, tên đường phố, số nhà	đồng/lần cấp	8.000	4.000
3	Cấp mới, cấp lại, đổi giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể.	đồng/lần đăng ký	10.000	5.000
	- Riêng cấp đổi giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể do Nhà nước thay đổi địa giới hành chính, tên đường phố, số nhà	đồng/lần cấp	5.000	2.500
4	Cấp mới, cấp lại, đổi giấy đăng ký tạm trú có thời hạn cho hộ gia đình	đồng/lần cấp	10.000	5.000
5	Gia hạn tạm trú có thời hạn	đồng/lần cấp	3.000	1.500
6	Cấp mới, cấp lại, đổi giấy tạm trú có thời hạn cho một nhân khẩu	đồng/lần cấp	5.000	2.500
7	Đỉnh chính các thay đổi trong sổ hộ khẩu gia đình, giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể (không thu lệ phí đối với trường hợp đỉnh chính lại địa chỉ do Nhà nước thay đổi địa giới hành chính, đường phố, số nhà; xoá tên trong sổ hộ khẩu)	đồng/lần cấp	5.000	2.500
II	Lệ phí chứng minh nhân dân (không bao gồm tiền ảnh của người được			

	cấp chứng minh nhân dân)			
1	Cấp mới	đồng/lần cấp	5.000	2.500
2	Cấp lại, đổi	đồng/lần cấp	6.000	3.000